

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM 01/2026

TRẬT TỰ MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG VỐN

Võ Nguyễn Vũ Toàn

Macro Analyst

toan.vnv@vdsc.com.vn

Đoàn Hoàng Gia Bảo

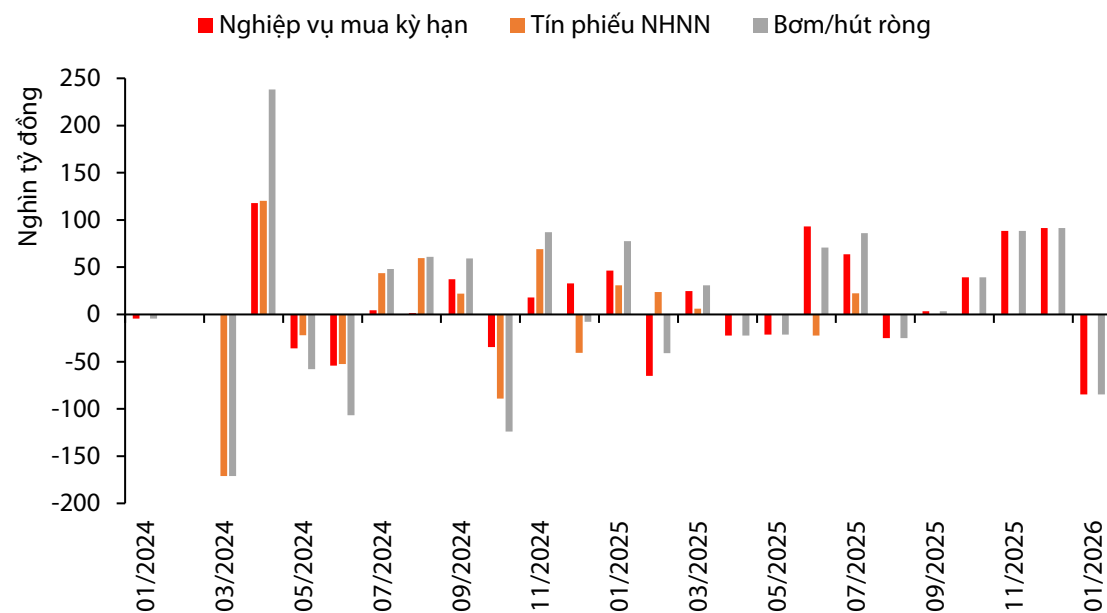
Data Analyst

Bao.dhg@vdsc.com.vn



- Thanh khoản hệ thống năm 2025 có xu hướng mở rộng từ giữa năm và gia tăng rõ nét hơn vào cuối năm. Kênh thị trường mở tiếp tục là van điều tiết của NHNN đã phải bơm – hút luân phiên với quy mô lớn, phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn cao và biến động mạnh. Tính đến 31/12, NHNN bơm ròng 267,4 nghìn tỷ đồng, với tổng cho vay 3.595,4 nghìn tỷ đồng và đáo hạn 3.328 nghìn tỷ đồng. Năm 2026, thanh khoản có dấu hiệu hạ nhiệt tương đối, lãi suất liên ngân hàng về quanh 4%. Tuy nhiên, mức dư nợ OMO còn lớn cho thấy áp lực thanh khoản vẫn hiện hữu, số dư nghiệp vụ mua kỳ hạn lưu hành đạt 319,6 nghìn tỷ đồng, giảm 21,1% so với cuối 2025 (ngày 13/01).
- Năm 2025 ghi nhận tỷ giá biến động mạnh, với áp lực mất giá của VND nổi bật trong Q2–Q3 và không đi cùng chiều hoàn toàn với DXY. Tính đến 31/12, tỷ giá chính thức tăng 3,6% và tỷ giá trung tâm tăng lên 25.121 VND/USD, tăng 786 đồng, tương ứng +3,2% so với cuối 2024. Áp lực tỷ giá 2026 bớt căng khi (1) các NHTW tiếp tục cắt giảm lãi suất; (2) chênh lệch lãi suất USD–VND thu hẹp; và (3) dòng vốn FDI duy trì ổn định.
- Kịch bản cơ sở 2026 của Rong Viet, NHNN chưa tăng lãi suất điều hành ít nhất trong nửa đầu 2026. NHNN nhiều khả năng tiếp tục điều tiết linh hoạt qua thị trường mở để ứng phó với áp lực tỷ giá và nhu cầu thanh khoản ngắn hạn, lãi suất huy động dự kiến tăng thêm 50–100 điểm cơ bản. NHNN dự kiến định hướng tăng trưởng tín dụng khoảng 15%, linh hoạt theo điều kiện vĩ mô. Trọng tâm điều hành là ưu tiên SXKD, lĩnh vực tạo giá trị và hạ tầng, đồng thời kiểm soát rủi ro ở các mảng tiềm ẩn rủi ro như bất động sản.
- TPCP tháng 12/2025 tăng tốc mạnh, giá trị trúng thầu 64.581 tỷ với tỷ lệ trúng thầu 75,8%. Lũy kế 2025, phát hành TPCP đạt khoảng 377,5 nghìn tỷ đồng, tương đương 75,5% kế hoạch năm; riêng Q4 hoàn thành 84,1% kế hoạch quý. Sang 2026, KBNN đặt mục tiêu 500.000 tỷ, riêng Q1/2026 là 110.000 tỷ, cơ cấu vẫn nghiêng về 10 năm (65.000 tỷ). Ở thị trường thứ cấp, thanh khoản tháng 12/2025 tích cực hơn tháng 11 với tổng giao dịch 244 nghìn tỷ. Khối ngoại dù không quá tích cực nhưng vẫn duy trì trạng thái mua ròng cả năm (2.476 tỷ đồng). Đường cong lợi suất TPCP năm 2025 dịch chuyển lên khoảng 120 bps.
- TPDN cho thấy nhịp phục hồi rõ trong tháng 12/2025 với 84 đợt phát hành, tổng giá trị 86.006 tỷ; lũy kế 2025 đạt 563.279 tỷ (+29,3% YoY). Hoạt động mua lại trước hạn bùng nổ trở lại tháng 12 (41.651 tỷ), tập trung vào nhóm trái phiếu còn lại 1–3 năm (60,8%). Lũy kế 2025, mua lại trước hạn đạt 320.364 tỷ (+46,7% YoY). Áp lực đáo hạn 2026 bớt căng trong Q1 nhưng tăng dần qua các quý, và tập trung chủ yếu ở nhóm bất động sản; tổng quy mô đáo hạn 2026 ước khoảng 206,3 nghìn tỷ đồng. Điểm tích cực là thanh khoản thứ cấp TPDN đã sôi động trở lại trong tháng 12 với tổng giao dịch đạt 176,8 nghìn tỷ (+60%), GTGD bình quân 7.686 tỷ/phiên (+39,1%).

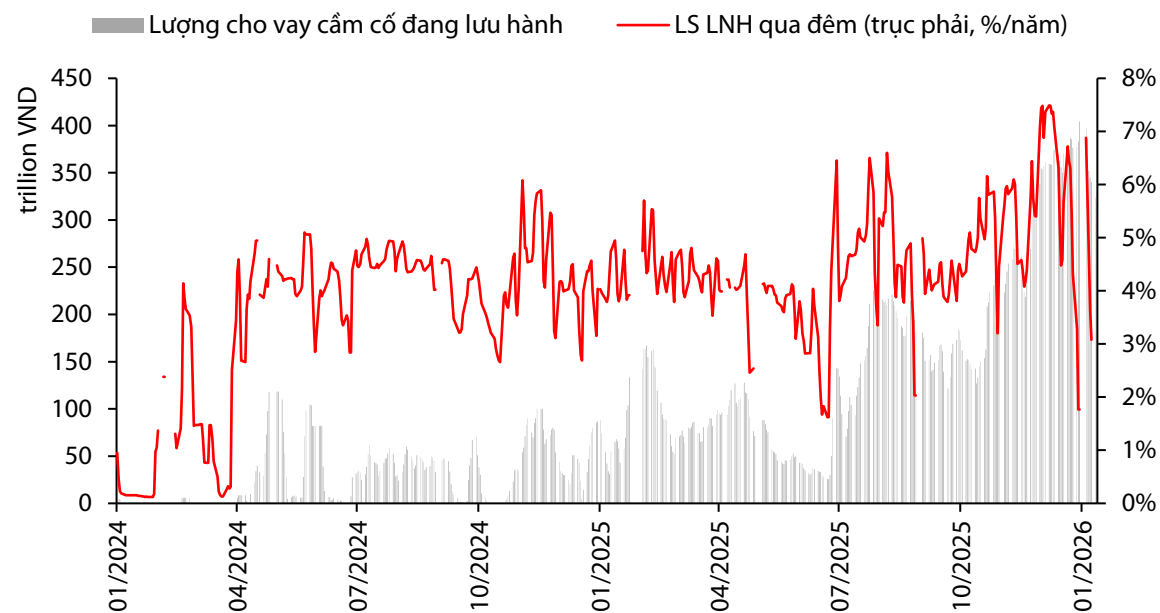
Diễn biến bơm/hút ròng của NHNN trong năm 2025



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

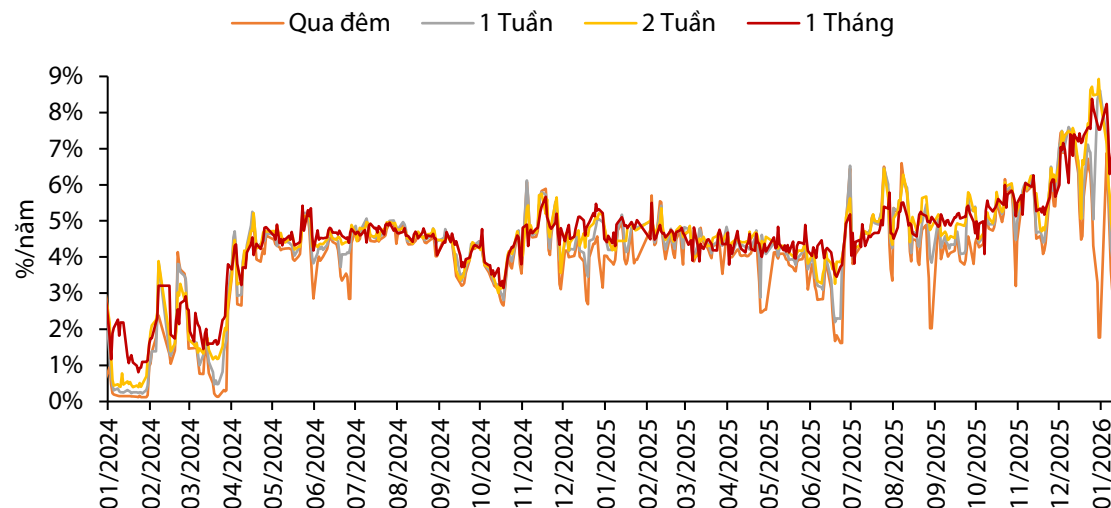
- Nhìn lại năm 2025, thanh khoản hệ thống có xu hướng mở rộng từ giữa năm, và rõ rệt hơn về cuối năm khi (i) thay đổi quản lý thuế với hộ kinh doanh làm tăng nhu cầu sử dụng tiền mặt; đồng thời (ii) tăng trưởng tín dụng sớm khiến nhu cầu vốn ngắn hạn của các ngân hàng tăng lên trong giai đoạn cao điểm cuối năm.
- Thị trường mở tiếp tục đóng vai trò van điều tiết thanh khoản và NHNN đã phải bơm – hút luân phiên với quy mô lớn phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn trong hệ thống ở mức cao trong năm 2025, đặc biệt giai đoạn cận cuối năm. Tính đến 31/12 NHNN đã bơm ròng 267,4 nghìn tỷ đồng, với tổng giá trị cho vay 3.595,4 nghìn tỷ đồng và đáo hạn 3.328 nghìn tỷ đồng.
- Sang đầu năm 2026, bức tranh thanh khoản hạ nhiệt tương đối nhưng giá trị cho vay cầm cố lưu hành vẫn còn lớn cho thấy áp lực thanh khoản vẫn hiện hữu, đặc biệt nhu cầu cận Tết thường tăng cao. Cụ thể tại 13/01/2026, số dư nghiệp vụ mua kỳ hạn đang lưu hành đạt 319,6 nghìn tỷ đồng, giảm 21,1% so với cuối 2025.

Quy mô cho vay cầm cố và lãi suất cho vay LNH qua đêm



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

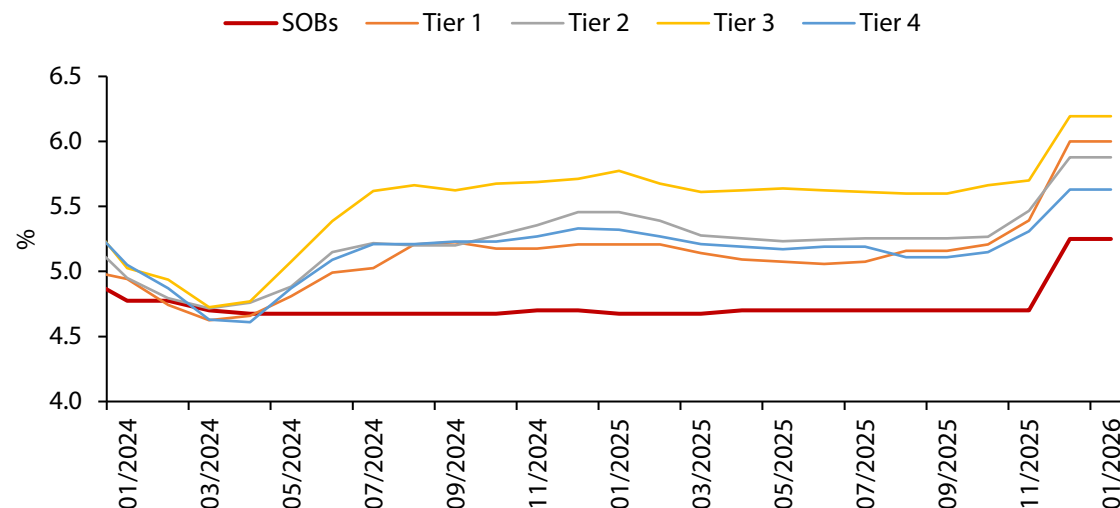
Lãi suất cho vay qua đêm VND trên thị trường liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

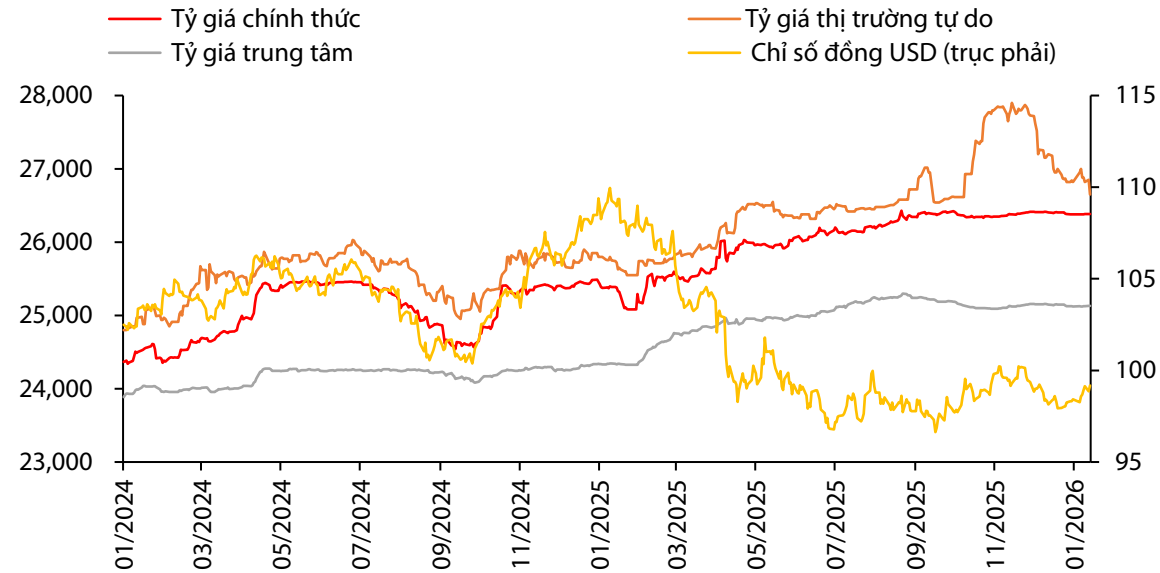
- Lãi suất cho vay VND trên thị trường liên ngân hàng đã hạ nhiệt ở mức gần 4% trong tuần đầu tháng 1.2026 kể từ mức đỉnh 7,5% giữa tháng 12.2025. Tại ngày 09/01, lãi suất cho vay qua đêm VND là 3,1%/năm, thấp hơn 94 điểm cơ bản so với cuối năm 2024, trong khi mức biến động mạnh nhất của lãi suất qua đêm trong năm được ghi nhận ngày 09/12 lên khoảng 7,5%/năm.
- Việc lãi suất cho vay qua đêm liên tục neo ở mức cao cho thấy sự thận trọng trong việc tăng cường thêm thanh khoản cho hệ thống của nhà điều hành. Trên thị trường 1 (huy động vốn từ người dân và tổ chức), lãi suất huy động của một số ngân hàng ghi nhận mức tăng trung bình 0,55% trong tháng 12 trong bối cảnh thanh khoản hệ thống chịu áp lực và cạnh tranh huy động tăng.
- Trong kịch bản cơ sở ([Báo cáo chiến lược 2026](#)), chúng tôi cho rằng NHNN sẽ chưa tăng lãi suất điều hành, ít nhất trong nửa đầu năm 2026. Thay vào đó, NHNN sẽ linh hoạt điều tiết qua thị trường mở nhằm ứng phó với áp lực tỷ giá và nhu cầu thanh khoản ngắn hạn với lãi suất huy động dự kiến tăng thêm 50 – 100 điểm cơ bản.

Diễn biến lãi suất huy động NHTMCP theo nhóm



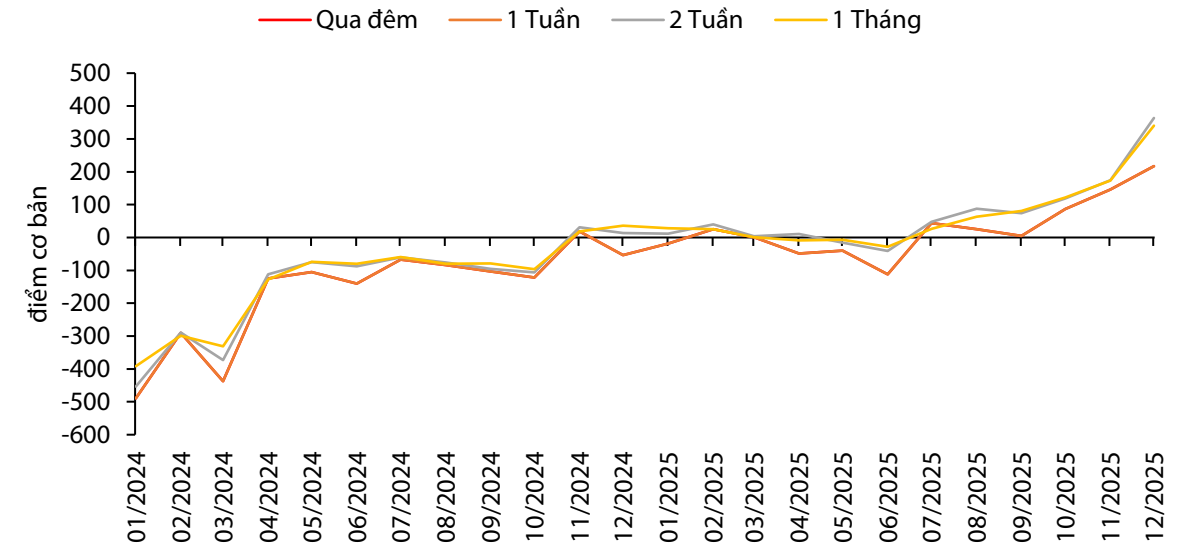
Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Chênh lệch lãi suất VND – USD



Nguồn: SBV, FiinPro, CTCK Rồng Việt

- Năm 2025, tỷ giá USD/VND biến động mạnh với áp lực mất giá của VND nổi bật trong Q2–Q3. Diễn biến tỷ giá không đi cùng chiều với DXY khi DXY giảm 10% so với đầu năm, nhưng tỷ giá vẫn chịu áp lực do các yếu tố nội tại như nới lỏng tín dụng hỗ trợ tăng trưởng, nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu và tâm lý găm giữ đầu cơ ngoại tệ. Tính đến 31/12, tỷ giá chính thức tăng 3,6% so với cuối 2024. Tỷ giá trung tâm tăng ở mức 25.121 VND/USD, tăng 786 đồng so với cuối 2024, tương ứng +3,2% vẫn nằm trong biên độ mất giá cho phép của NHNN.
- Đáng chú ý Q4/2025 thị trường tự do có thời điểm chênh lệch tỷ giá với kênh chính thức ở mức kỷ lục 1.503 đồng/USD. Chênh lệch này thu hẹp rõ rệt khi nhà điều hành tăng cường biện pháp bình ổn và can thiệp kể từ tháng 12 và còn khoảng 265 đồng/USD (tính đến 13/01).
- Áp lực tỷ giá trong năm 2026 bớt căng thẳng hơn năm 2024 – 2025 khi: (1) Các NHTW tiếp tục lộ trình bình thường hóa lãi suất nhờ áp lực lạm phát suy giảm; (2) Chênh lệch lãi suất USD – VND tiếp tục thu hẹp; và (3) Dòng vốn FDI duy trì ổn định.

Năm 2025 chứng kiến DXY suy giảm từ khi Trump đắc cử chủ yếu do:

- (1) Nhà đầu tư lo ngại các chính sách của Trump sẽ gây tổn hại cho nền kinh tế Mỹ (thuế quan, thuế thu nhập từ nắm giữ TPCP của NĐT nước ngoài, yêu cầu đồng minh nắm giữ TPCP kỳ hạn siêu dài với lợi suất thấp để đổi lấy bảo đảm an ninh từ Mỹ).
- (2) Tính độc lập của Fed cũng gây sức ép lên đồng USD khi Trump liên tục công kích.
- (3) Ngân sách Chính phủ 2026 không được thông qua khiến Chính phủ đóng cửa kỷ lục và nợ công đã vượt ngưỡng 38 nghìn tỷ USD.

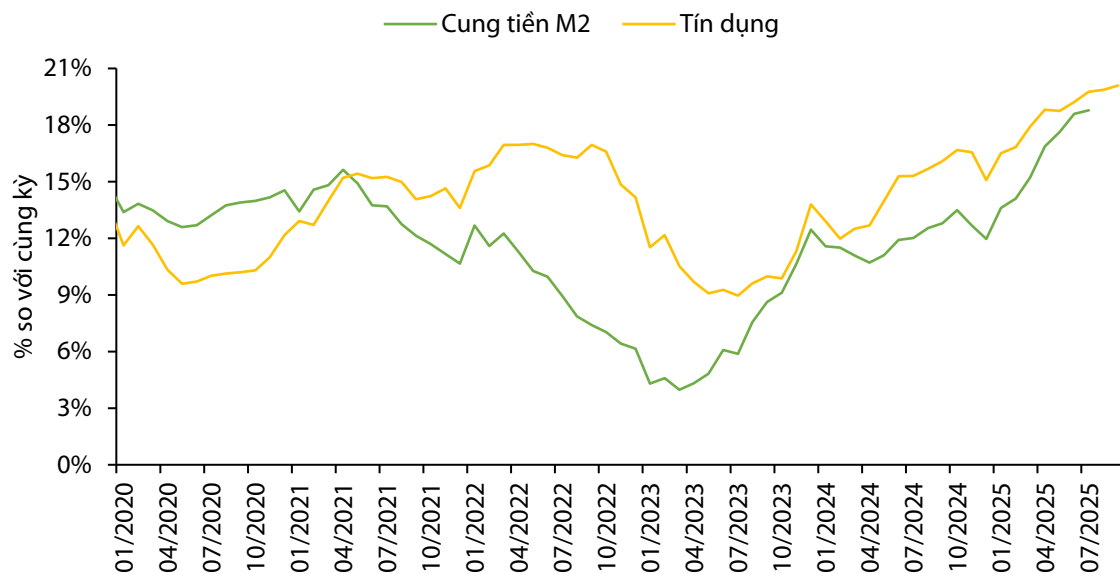
Xu hướng suy yếu của đồng USD khó có khả năng đảo chiều và sẽ tiếp tục yếu đi trong năm 2026:

- (1) Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất và nhiệm kỳ của J.Powell kết thúc vào tháng 5/2026. Tính độc lập của Fed sẽ trở lại tâm điểm và kỳ vọng chính sách tiền tệ trong tương lai sẽ bổ câu hơn.
- (2) Xu hướng phi đô la hóa sẽ tiếp tục tiến triển khi thuế quan, trừng phạt và căng thẳng địa chính trị khiến các nước lo ngại phụ thuộc quá mức vào USD.



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

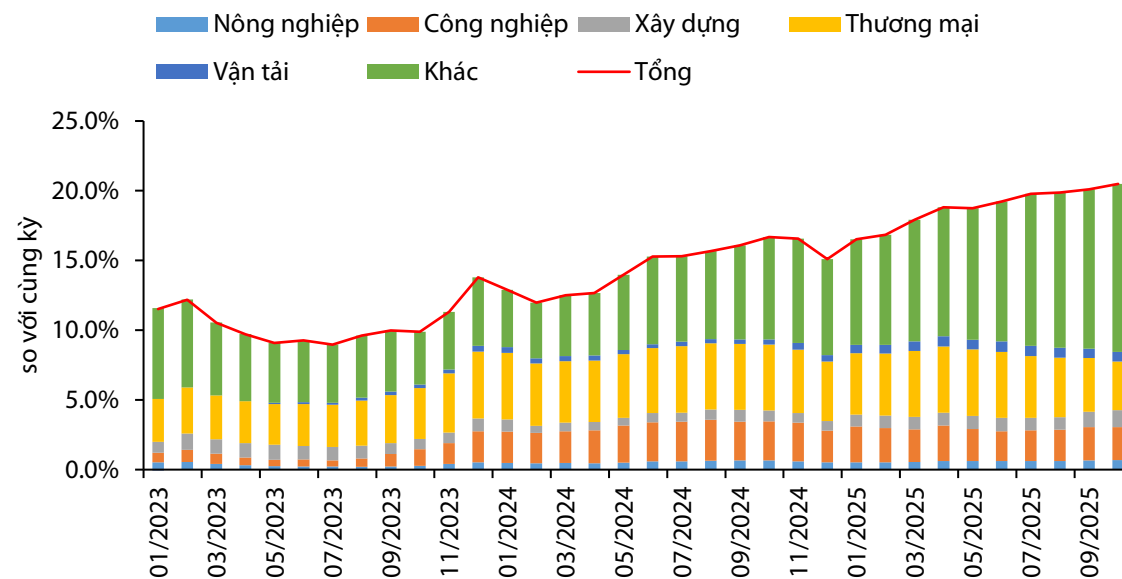
Tăng trưởng tín dụng và cung tiền



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

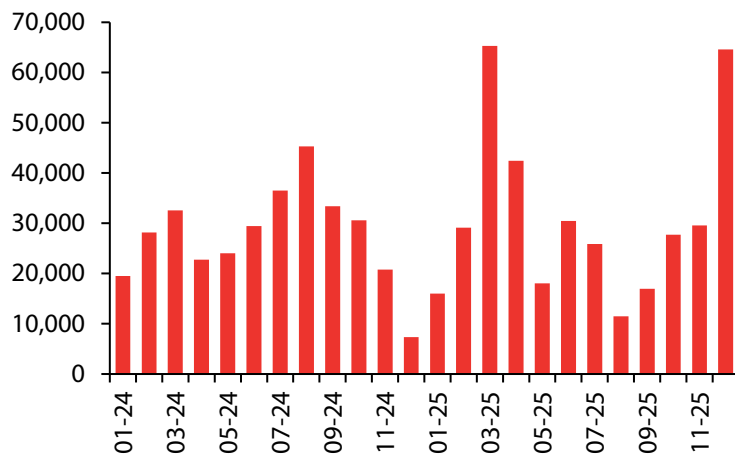
- Từ T3/2025 trở đi, nhu cầu vốn tăng mạnh và tăng trưởng tín dụng bức tốc theo nhịp dồn vào tháng cuối quý. Tính đến 31/10/2025, tăng trưởng tín dụng khoảng 15,7% so với đầu năm, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2025, NHNN ước tính tăng trưởng tín dụng đạt 19%.
- Tính đến cuối tháng 9/2025, tốc độ tăng cung tiền và huy động vốn đã tiệm cận năm 2024. Cụ thể, tăng trưởng cung tiền và huy động vốn đạt lần lượt 11,5% và 9,8% so với đầu năm. Trong khi đó, tăng trưởng cung tiền tính đến cuối tháng 9/2025 là 17,9% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng của tín dụng là 20,1%.
- NHNN dự kiến định hướng tăng trưởng tín dụng khoảng 15% năm 2026, linh hoạt điều chỉnh theo điều kiện vĩ mô. Trọng tâm điều hành có thể hiểu ưu tiên SXKD, lĩnh vực tạo giá trị, và hạ tầng, đồng thời kiểm soát rủi ro ở các mảng tiềm ẩn rủi ro như bất động sản.

Tăng trưởng tín dụng theo ngành nghề



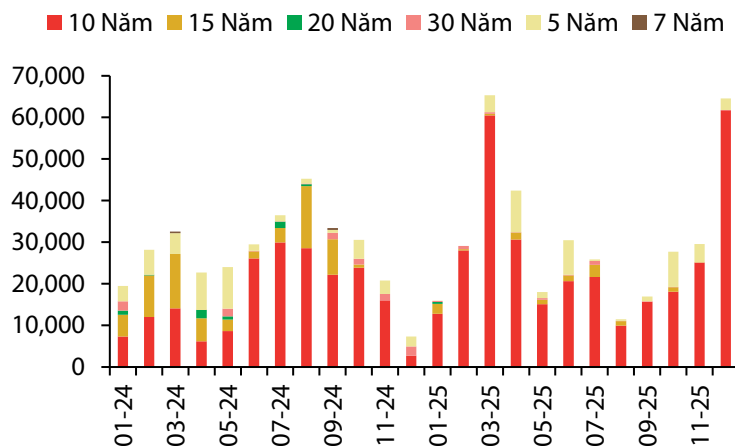
Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

Giá trị phát hành TPCP theo tháng (tỷ đồng)



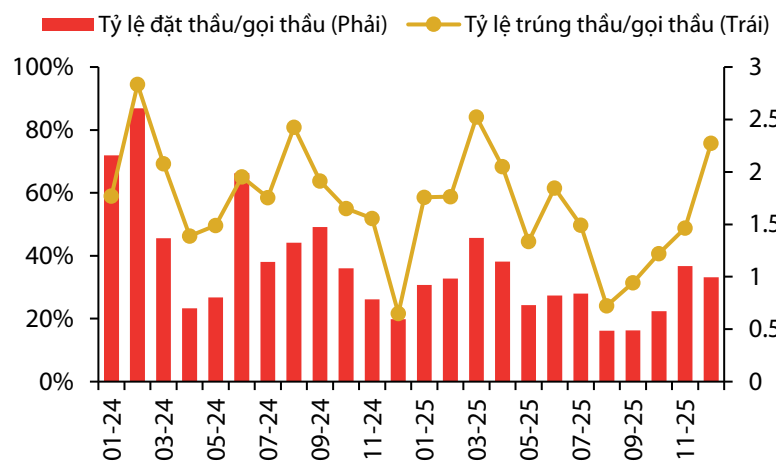
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Giá trị phát hành theo kỳ hạn (tỷ đồng)



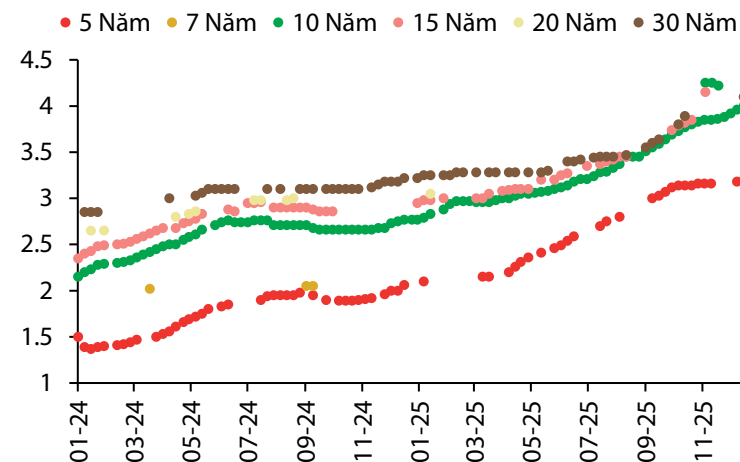
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Tỷ lệ đăng ký và tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

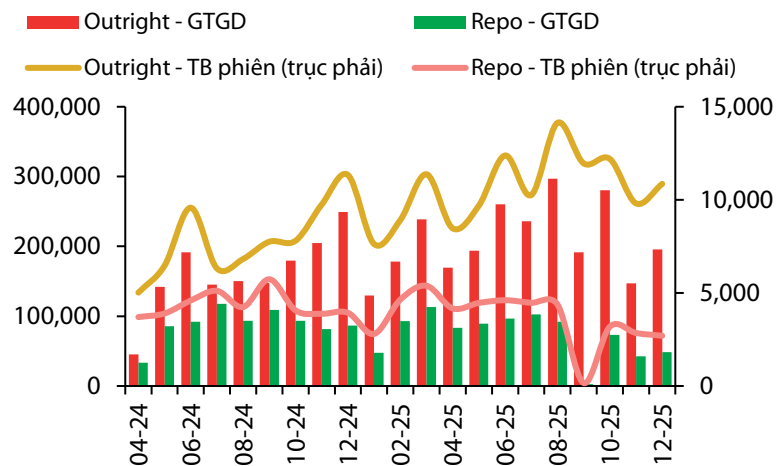
Lãi suất trúng thầu thị trường sơ cấp (%)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

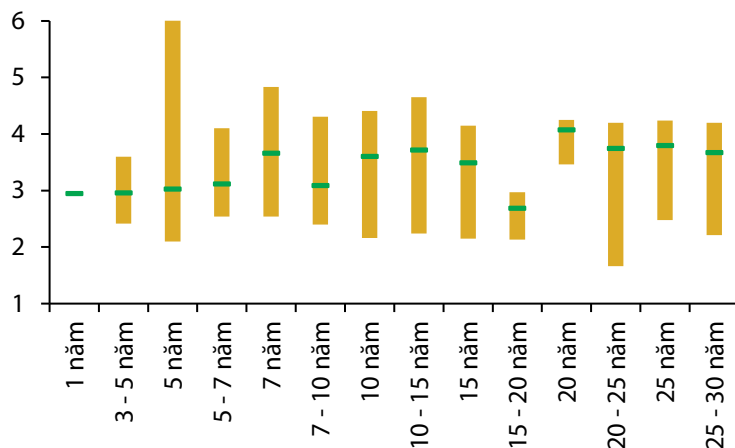
- Tháng 12/2025 ghi nhận nhịp tăng tốc rõ rệt trên thị trường sơ cấp khi KBNN, tổng khối lượng gọi thầu 83.000 tỷ đồng và giá trị trúng thầu đạt 64.581 tỷ đồng với tỷ lệ trúng thầu đạt 75,8%. Quy mô tháng 12 là một trong những tháng cao nhất và chỉ thấp hơn nhẹ so với tháng 3/2025 (65.329 tỷ đồng).
- Kỳ hạn 10 năm tiếp tục là nguồn huy động chính, chiếm 95,6% giá trị trúng thầu, tương ứng 61.729 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu tháng 12 đạt 4%/năm, giảm 22 điểm cơ bản so với tháng trước và tăng 123 điểm cơ bản so với đầu năm
- Lũy kế năm 2025, giá trị TPCP phát hành qua đấu thầu đạt 377.500 tỷ đồng, tương đương 75,5% kế hoạch năm (500.000 tỷ); riêng Q4 đạt 84,1% kế hoạch quý (145.000 tỷ) cho thấy sức hấp thụ thị trường cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước đó.
- Năm 2026, KBNN đặt mục tiêu phát hành 500.000 tỷ đồng TPCP, trong đó Q1/2026 dự kiến 110.000 tỷ đồng; cơ cấu dự kiến vẫn nghiêng về 10 năm (65.000 tỷ).

Giá trị giao dịch TPCP (tỷ đồng)



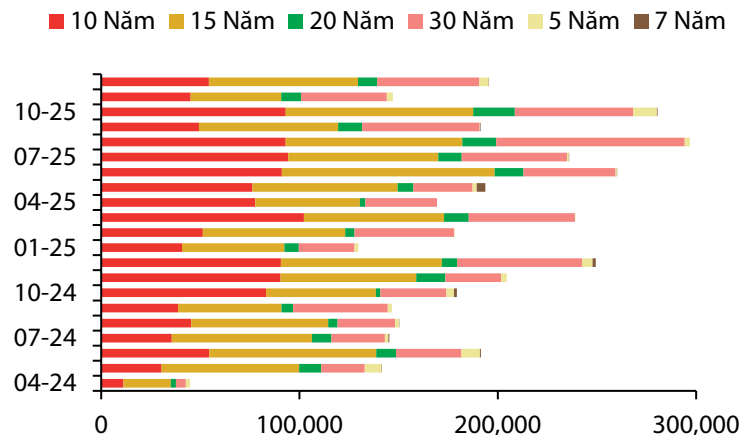
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Vùng lợi suất giao dịch theo kỳ hạn còn lại



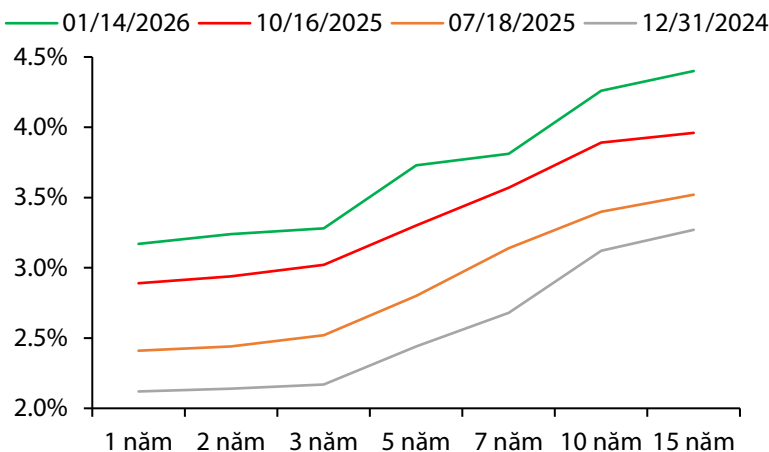
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Giá trị giao dịch theo kỳ hạn (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

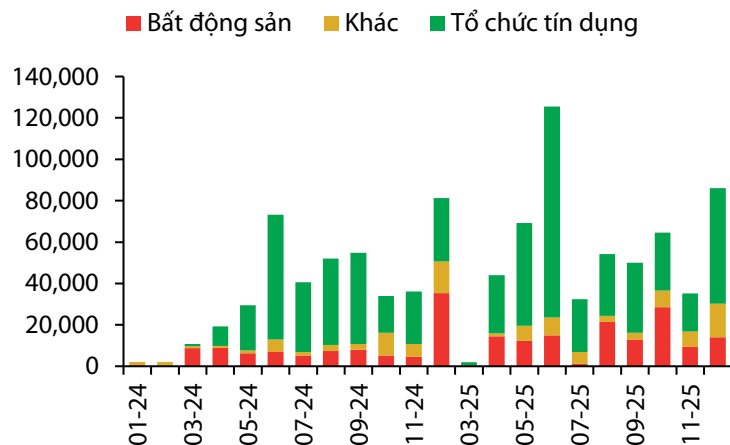
Đường cong lợi suất



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

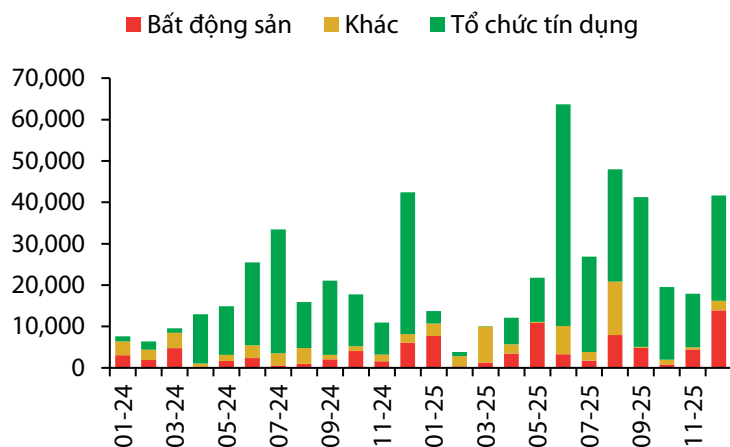
- Thanh khoản TPCP thứ cấp trong tháng 12/2025 tích cực hơn so với tháng 11, với tổng giá trị giao dịch đạt 244 nghìn tỷ đồng, trong đó giao dịch outright chiếm 80,1%, tương đương 195,5 nghìn tỷ đồng, giao dịch repo đạt 48,6 nghìn tỷ đồng.
- Thanh khoản dù tăng so với tháng trước nhưng bình quân ngày vẫn ở mức thấp trong năm 2025, outright bình quân 10.858 tỷ/ngày và repo 2.699 tỷ/ngày. Ngoài ra, cấu trúc giao dịch tiếp tục tập trung ở kỳ hạn trung – dài, với nhóm 10Y/15Y/30Y chiếm phần lớn giá trị giao dịch.
- Mặc dù thanh khoản không quá sôi động, khối ngoại vẫn duy trì xu hướng mua ròng trong tháng 12, tính chung cả năm 2025, khối ngoại duy trì trạng thái mua ròng với giá trị 2.476 tỷ đồng.
- Năm 2025, đường cong lợi suất trái phiếu dịch chuyển lên trên khoảng 120 điểm cơ bản củng cố nhận định đường cong lợi suất tiếp tục dịch chuyển lên.

Giá trị phát hành TPDN theo tháng (tỷ đồng)



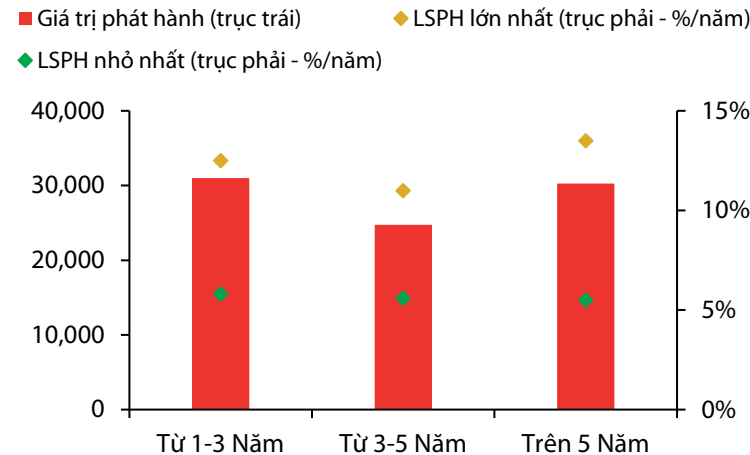
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

GTML trước hạn theo tháng (tỷ đồng)



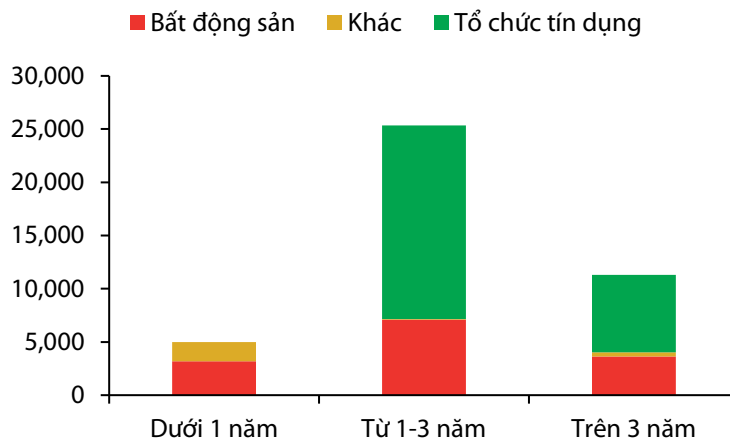
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Hoạt động phát hành



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

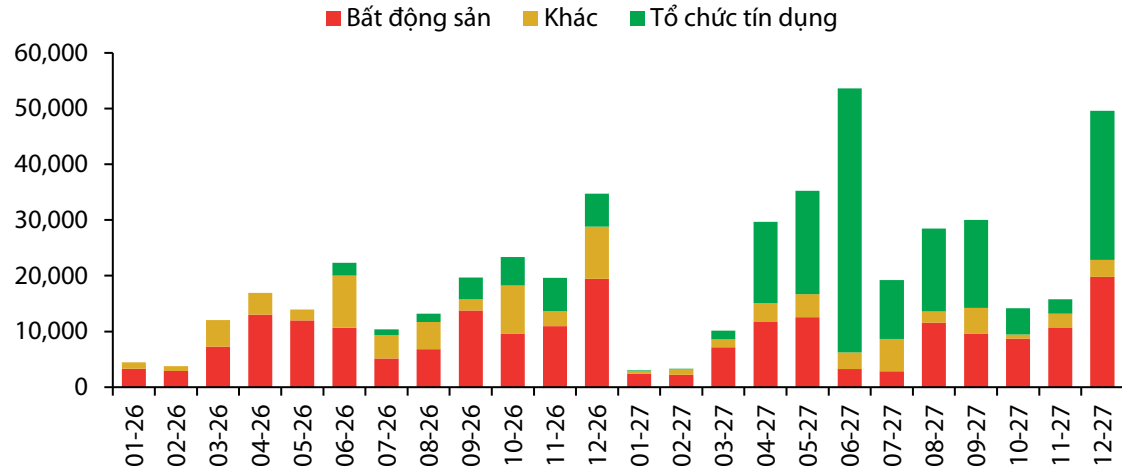
GTML trước hạn theo kỳ hạn còn lại (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

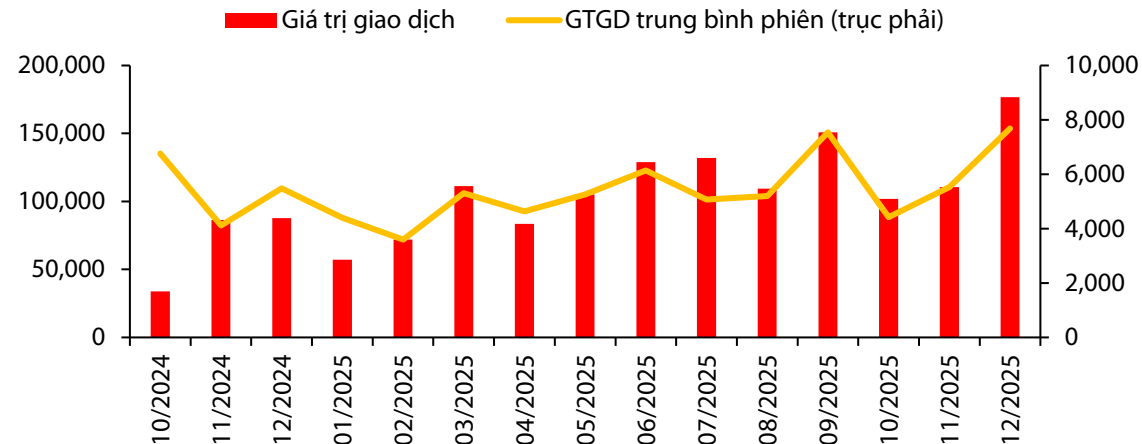
- Trong tháng 12/2025, TPDN ghi nhận nhịp phục hồi rõ nét về hoạt động phát hành sau giai đoạn trầm lắng giữa năm với 84 đợt phát hành tổng giá trị đạt 86.006 tỷ đồng (+5,9% svck). Tính chung cả năm 2025, tổng giá trị phát hành mới đạt 563.279 tỷ đồng (+29,3% svck). Về cấu trúc kỳ hạn, nguồn vốn có phần dàn trải các kỳ hạn hơn so với các tháng trước đó.
- Ngân hàng tiếp tục là nhóm phát hành chủ đạo chiếm 64,7% tổng giá trị phát hành phản ánh nhu cầu bổ sung nguồn vốn trung dài hạn và chủ động khóa chi phí vốn trong bối cảnh lãi suất huy động nhích lên về cuối năm. Các thương vụ nổi bật: BIDV (9.345 tỷ đồng; kỳ hạn 2–15 năm; lãi suất 6,1-6,7%/năm), VIB (7.000 tỷ đồng; kỳ hạn 2-3 năm; lãi suất 6,9–7,5%/năm), VietJet (5.000 tỷ đồng; kỳ hạn 5–7 năm; lãi suất 10%/năm)
- Hoạt động mua lại trước hạn tháng 12 bùng nổ sau 2 tháng trầm lắng trước đó. Trong tháng 12, giá trị mua lại đạt 41.651 tỷ đồng (-1,8% svck). Hoạt động mua lại tập trung chủ yếu ở các TPDN có kỳ hạn còn lại 1-3 năm, chiếm 60,8% giá trị mua lại. Tính chung cả năm 2025, giá trị mua lại trước hạn đạt 320.364 tỷ đồng, tăng 46,7% so với 2024.

Giá trị đáo hạn TPDN (tỷ đồng)



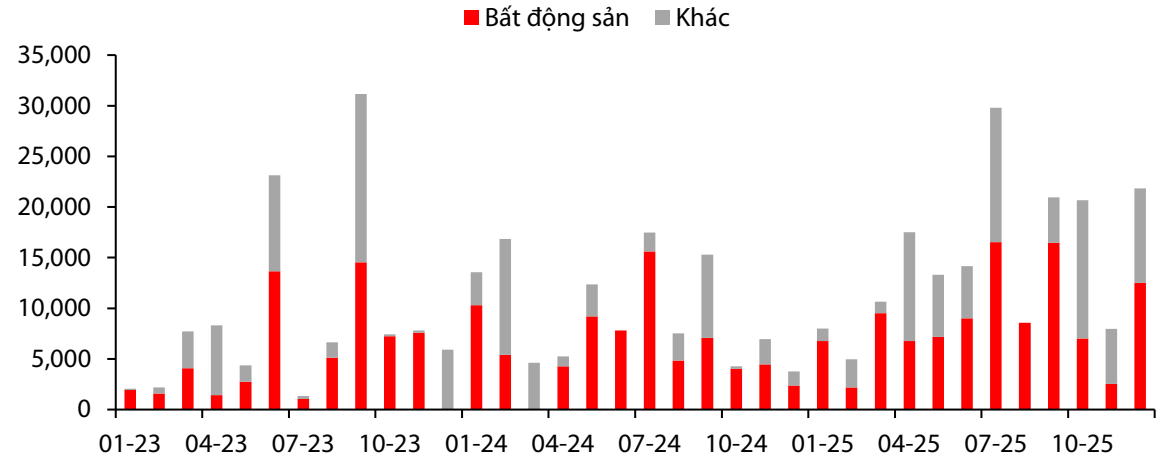
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Thanh khoản thị trường thứ cấp (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

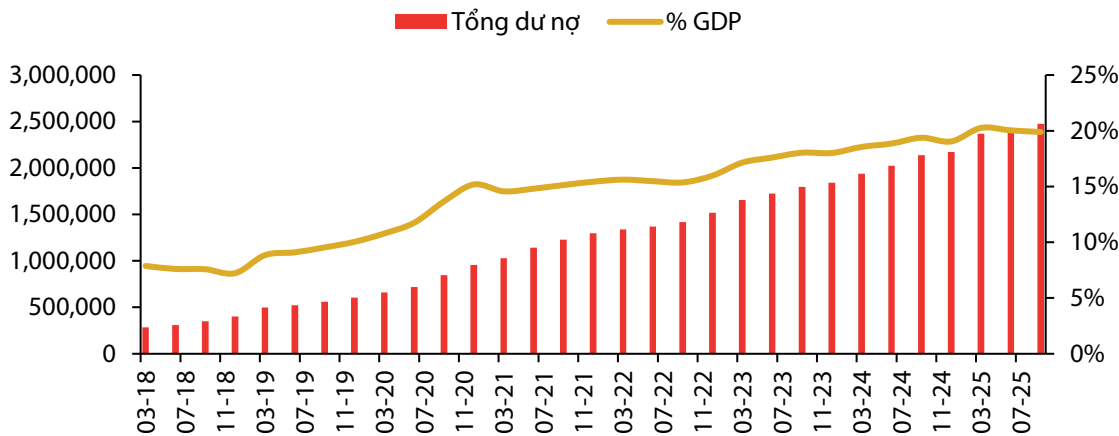
Giá trị trái phiếu hoãn/giãn nợ phát sinh theo tháng (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

- Sang đầu năm 2026, áp lực đáo hạn TPDN bớt áp lực trong Q1 nhưng tăng dần qua các quý và tập trung chủ yếu vào nhóm doanh nghiệp bất động sản. Ước tính quy mô đáo hạn TPDN trong năm 2026 khoảng 206,3 nghìn tỷ đồng
- Rủi ro tín dụng trên thị trường tiếp tục hiện hữu trong tháng 12 ghi nhận 9 doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm bất động sản và công bố chậm thanh toán gốc/lãi trái phiếu. Các trường hợp đáng chú ý gồm: HAGL và tập đoàn R&H.
- Giao dịch TPDN trên thị trường thứ cấp sôi động trở lại trong tháng 12. Thanh khoản toàn thị trường đạt 176,8 nghìn tỷ đồng (+60% svtt); giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên mở rộng lên 7.686 tỷ đồng (+39,1% svtt).

Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ (giá trị và % GDP)



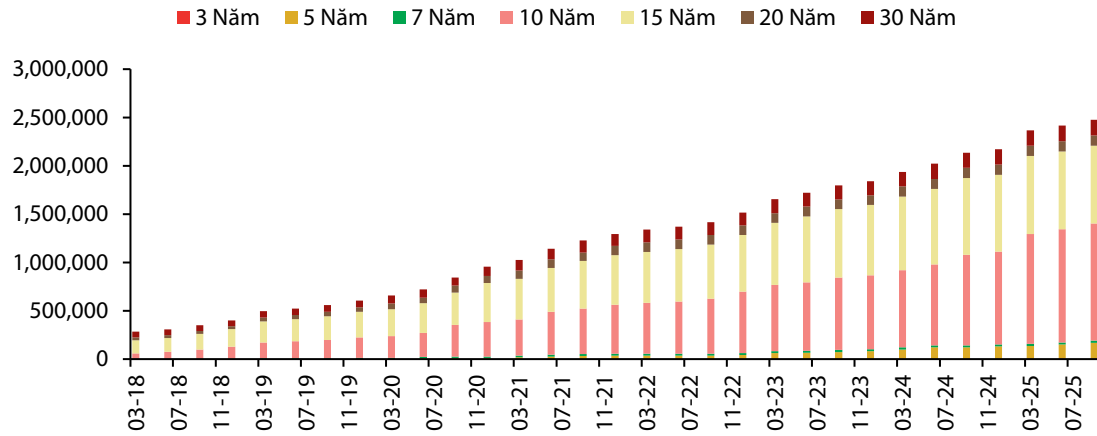
Nguồn: Asianbondonline, CTCK Rồng Việt,

Kế hoạch đấu thầu và thực tế phát hành TPCP

Q1/2026	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Kế hoạch (nghìn tỷ)		17	2	65	17	3	6	110
Phát hành (nghìn tỷ)								
% Kế hoạch quý								

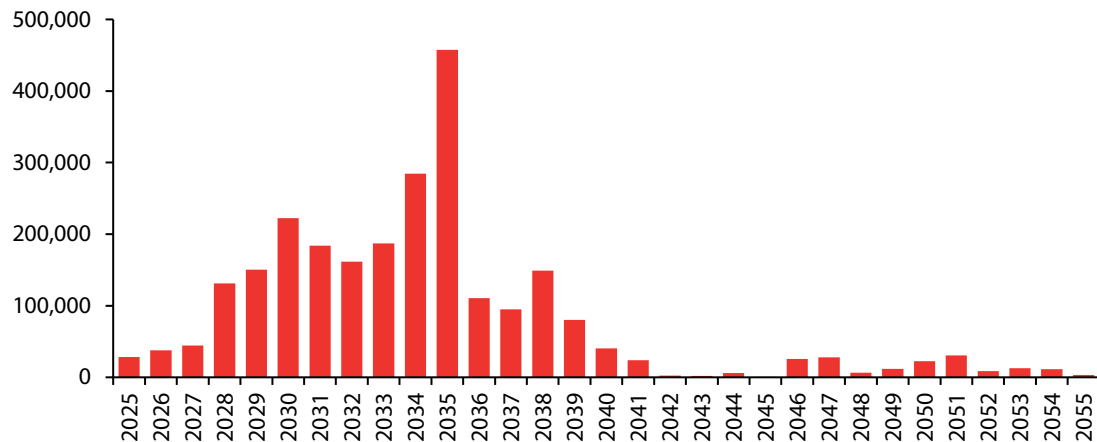
Nguồn: VBMA, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ theo kỳ hạn (tỷ đồng)



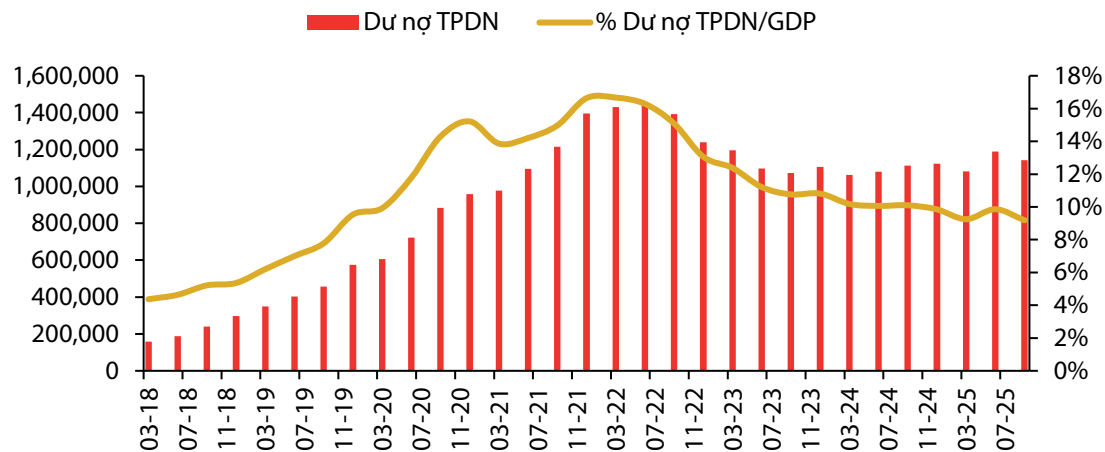
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Lịch trả nợ gốc TPCP (tỷ đồng)



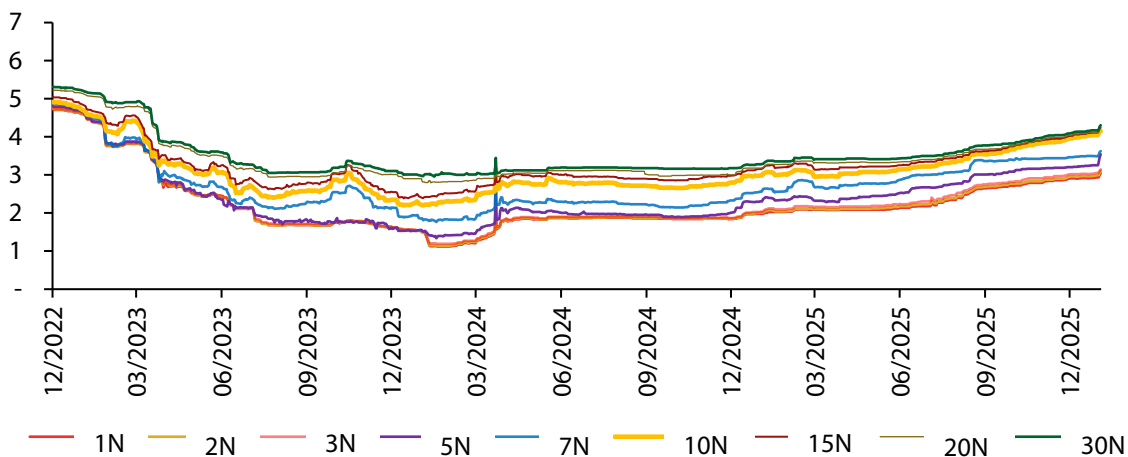
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (giá trị và % GDP)



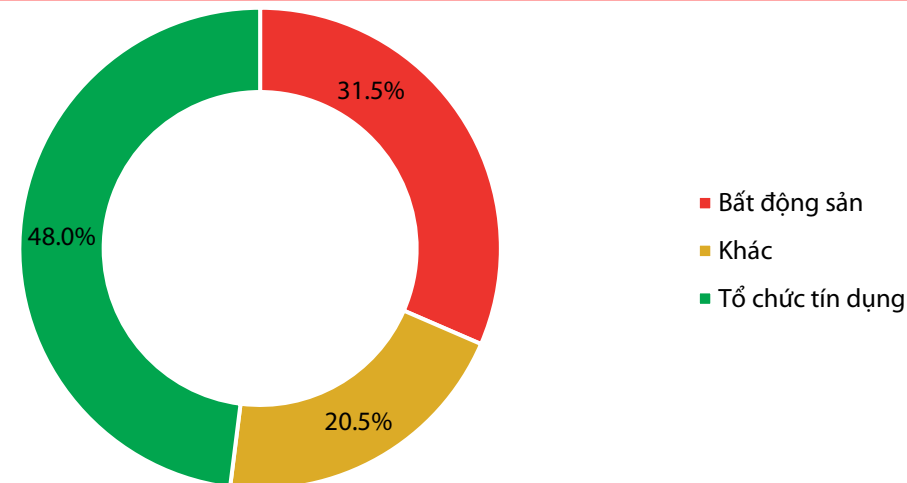
Nguồn: Asianbondonline, CTCK Rồng Việt,

Lãi suất Trái phiếu Chính Phủ (%)



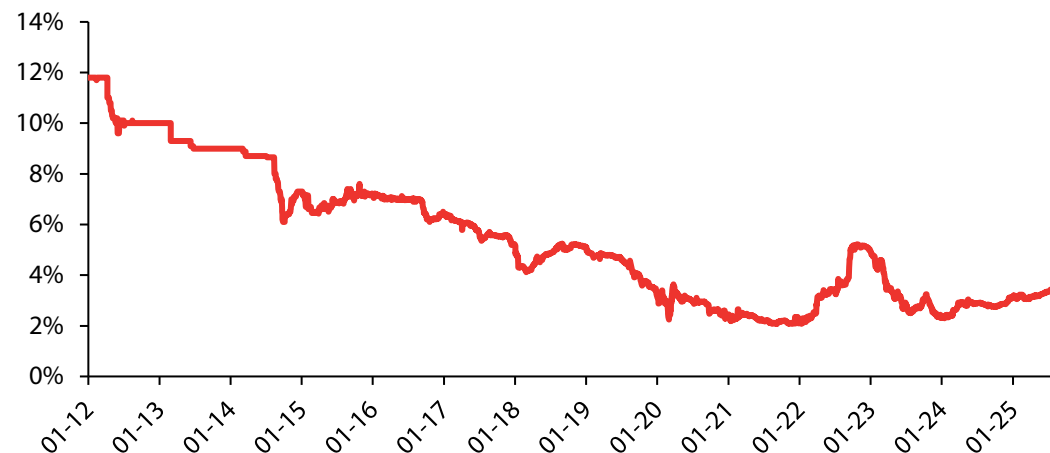
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Độ biến động lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt,

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Công tư cổ phần đầu tư xây dựng Thái Sơn		Bất động sản	TSO12503	2.000	12,5%	2	12/16/2025	12/16/2027
Công ty cổ phần chứng khoán APG	APG	Chứng khoán	APG12501	300	8,0%	2	12/8/2025	12/8/2027
Công ty cổ phần chứng khoán BIDV	BSI	Chứng khoán	BSI12501	300	8,2%	1	12/30/2025	12/30/2026
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	SHS	Chứng khoán	SHS12503	220	8,2%	1	12/8/2025	12/8/2026
Công ty cổ phần công nghệ tài chính Encapital		Sản xuất	ECF12502	280	9,5%	2	12/8/2025	12/8/2027
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang		Lĩnh vực khác	TNQ32505	500	9,0%	7	12/12/2025	12/12/2032
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang		Lĩnh vực khác	TNQ32506	500	9,0%	9	12/18/2025	12/18/2034
Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà		Thương mại, dịch vụ	BNC12503	190	10,5%	5	12/5/2025	12/5/2030
Công ty cổ phần hàng không Vietjet	VJC	Lĩnh vực khác	VJC12506	1.000	10,0%	5	12/18/2025	12/18/2030
Công ty cổ phần hàng không Vietjet	VJC	Lĩnh vực khác	VJC12507	1.000	10,0%	5	12/26/2025	12/26/2030
Công ty cổ phần hàng không Vietjet	VJC	Lĩnh vực khác	VJC12508	1.000	10,0%	5	12/29/2025	12/29/2030
Công ty cổ phần hàng không Vietjet	VJC	Lĩnh vực khác	VJC12509	2.500	10,0%	7	12/31/2025	12/31/2032
Công ty cổ phần hàng không Vietjet	VJC	Lĩnh vực khác	VJC12505	1.000	10,0%	5	12/15/2025	12/15/2030
Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Trung Nam		Năng lượng	TRE32501	640	10,2%	5	12/12/2025	12/12/2030

Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Công ty cổ phần tập đoàn nhựa Bình Thuận		Lĩnh vực khác	BP112501	2.600	5,9%	7	12/5/2025	12/5/2032
Công ty cổ phần Tecomen Holding		Thương mại, dịch vụ	KRF12501	3.000	6,0%	5	12/24/2025	12/24/2030
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ quốc tế Thiso		Thương mại, dịch vụ	STI12501	22.000	8,0%	3	12/23/2025	12/23/2028
Công ty cổ phần tổng công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn	SGR	Bất động sản	SGR12501	1.000	10,7%	3	12/31/2025	12/31/2028
Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP		Năng lượng	VCP12501	5.000	10,0%	3	12/25/2025	12/25/2028
Công ty TNHH đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt		Bất động sản	PDA12501	54.000	11,0%	2,5	12/26/2025	6/26/2028
Công ty TNHH liên doanh đầu tư xây dựng Tam Trinh		Lĩnh vực khác	TAT32502	11.000	9,2%	6	12/5/2025	12/5/2031
Công ty TNHH mặt trời Hòa Bình		Bất động sản	SUH12501	35.000	11,0%	4	12/30/2025	12/30/2029
Công ty TNHH Miza Nghi Sơn		Sản xuất	MZN12501	1.500	8,2%	7	12/26/2025	12/26/2032
CTCP chứng khoán Kỹ thương	TCX	Chứng khoán	TCX12504	5.000	8,0%	1,25	12/25/2025	3/25/2027
CTCP đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	CII	Xây dựng	CII12503	2.800	10,0%	5	12/30/2025	12/30/2030
CTCP in và bao bì Goldsun		Sản xuất	GSG12501	8.000	10,8%	3	12/24/2025	12/24/2028
Ctcp may- diêm Sài Gòn		Bất động sản	MSG32508	10.000	9,0%	9	12/2/2025	12/2/2034
Ctcp may- diêm Sài Gòn		Bất động sản	MSG32509	6.200	9,0%	9	12/9/2025	12/9/2034

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
CTCP phát triển bất động sản Văn Phú		Lĩnh vực khác	VPI12504	1.500	11,0%	3	12/26/2025	12/26/2028
CTCP tập đoàn đầu tư I.P.A		Lĩnh vực khác	IPA12502	6.080	9,5%	5	12/30/2025	12/30/2030
CTCP tập đoàn KHẢI HOÀN LAND	KHG	Bất động sản	KHG12502	800	13,5%	5	12/3/2025	12/3/2030
NH nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam		Ngân hàng	VBA12505	50.000	5,8%	2	12/25/2025	12/25/2027
Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á	BAB	Ngân hàng	BAB12510	1.000	6,5%	3	12/2/2025	12/2/2028
Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á	BAB	Ngân hàng	BAB12511	1.000	7,5%	3	12/24/2025	12/24/2028
Ngân hàng thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12515	1.000	7,5%	3	12/29/2025	12/29/2028
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12546	465	8,0%	10	12/2/2025	12/2/2035
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12547	157	8,2%	10	12/10/2025	12/10/2035
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12548	3.000	7,7%	10	12/19/2025	12/19/2035
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12549	15.000	8,2%	10	12/23/2025	12/23/2035
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín		Ngân hàng	VBB12501	10.000	7,4%	7	12/30/2025	12/30/2032
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín		Ngân hàng	VBB12502	1.500	8,2%	7	12/30/2025	12/30/2032
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	Ngân hàng	ACB12521	400	7,0%	5	12/26/2025	12/26/2030

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	ABB	Ngân hàng	ABB12516	2.600	7,6%	6	12/12/2025	12/12/2031
Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	ABB	Ngân hàng	ABB12517	600	7,6%	6	12/12/2025	12/12/2031
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12558	142	6,1%	7	12/12/2025	12/12/2032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12559	800	6,7%	15	12/24/2025	12/24/2040
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12560	200	6,7%	15	12/24/2025	12/24/2040
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12561	203	6,7%	8	12/23/2025	12/23/2033
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12562	4.000	6,5%	2	12/25/2025	12/25/2027
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12563	4.000	6,5%	2	12/29/2025	12/29/2027
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12526	500	7,2%	3	12/24/2025	12/24/2028
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12524	2.000	6,5%	3	12/3/2025	12/3/2028
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12525	2.000	6,5%	3	12/10/2025	12/10/2028
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	VCB	Ngân hàng	VCB12501	2.000	5,8%	2	12/18/2025	12/18/2027
Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	Ngân hàng	OCB12530	1.000	6,4%	3	12/10/2025	12/10/2028
Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	Ngân hàng	OCB12531	1.000	6,9%	2	12/16/2025	12/16/2027

Nguồn: HNX, CTCK Rổng Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12527	500	7,0%	7	12/15/2025	12/15/2032
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12528	6.000	7,3%	7	12/16/2025	12/16/2032
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12529	1.000	7,0%	7	12/17/2025	12/17/2032
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12530	5.000	7,0%	10	12/22/2025	12/22/2035
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12531	4.300	6,7%	7	12/29/2025	12/29/2032
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12532	1.500	7,0%	7	12/30/2025	12/30/2032
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MBB	Ngân hàng	MBB12533	5.000	6,4%	7	12/30/2025	12/30/2032
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	Ngân hàng	VIB12508	3.000	6,9%	3	12/5/2025	12/5/2028
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	Ngân hàng	VIB12509	2.000	7,5%	3	12/16/2025	12/16/2028
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	Ngân hàng	VIB12510	2.000	7,5%	2	12/24/2025	12/24/2027
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	Ngân hàng	SHB12507	600	8,2%	7	12/30/2025	12/30/2032
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	Ngân hàng	SHB12508	500	8,2%	7	12/31/2025	12/31/2032
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á	VAB	Ngân hàng	VAB12501	3.000	7,6%	7	12/1/2025	12/1/2032
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12513	80	6,4%	3	12/19/2025	12/19/2028

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12514	1.050	7,0%	5	12/19/2025	12/19/2030
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12515	2.000	7,5%	2	12/25/2025	12/25/2027
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12516	1.000	7,9%	7	12/31/2025	12/31/2032
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDBL2528015	50.000	5,6%	3	12/23/2025	12/23/2028
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12509	120	6,8%	5	12/3/2025	12/3/2030
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12510	300	7,5%	8	12/15/2025	12/15/2033
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12511	500	7,4%	7	12/15/2025	12/15/2032
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	HDB12512	600	7,5%	7	12/16/2025	12/16/2032
NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	VPB	Ngân hàng	VPB12517	2.000	7,6%	2	12/24/2025	12/24/2027
NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	VPB	Ngân hàng	VPB12515	500	6,4%	5	12/3/2025	12/3/2030
NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	VPB	Ngân hàng	VPB12516	3.000	6,5%	3	12/12/2025	12/12/2028
Tập đoàn đầu tư và phát triển công nghiệp Becamex	BCM	Bất động sản	BCM12505	440	10,3%	5	12/18/2025	12/18/2030
Tập đoàn đầu tư và phát triển công nghiệp Becamex	BCM	Bất động sản	BCM12504	9.000	10,3%	3	12/8/2025	12/8/2028
TẬP ĐOÀN VINGROUP	VIC	Bất động sản	VICD2328002	1.625	5,5%	5	12/16/2025	12/16/2030

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025**
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE